

Số: /QĐ-CĐSL

Sơn La, ngày tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cử lưu học sinh Lào K14 đi học tập thực tế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

Căn cứ Nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Khóa XV, Kỳ họp thứ tám về chính sách hỗ trợ đối với lưu học sinh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào sang Việt Nam học tập theo chương trình hợp tác với tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-CĐSL ngày 02/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La;

Căn cứ Kế hoạch số 354/KH-CĐSL ngày 15/11/2024 của Trường Cao đẳng Sơn La về việc đào tạo tiếng Việt cho cán bộ các tỉnh nước CHDCND Lào K14, năm học 2024 - 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ- Công tác HSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử 120 lưu học sinh Lào lớp tiếng Việt K14 đi học tập thực tế tại một số địa điểm trong tỉnh Sơn La (có danh sách kèm theo).

- Thời gian: Từ ngày 03/8/2025 đến ngày 05/8/2025.

- Địa điểm:

+ Nhà máy Thủy điện Sơn La, Nghĩa trang Góc Ôi, Bảo tàng tỉnh Sơn La, Nhà tù Sơn La, Quảng trường Tây Bắc.

+ Khu di tích lịch sử cách mạng Việt Nam – Lào, bản Lao Khô, xã Phiêng Khoài, tỉnh Sơn La; Di tích lịch sử Ngã ba Cò Nòi, xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

+ Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu (tỉnh Sơn La).

Điều 2. Trong thời gian đi học tập thực tế, các lưu học sinh Lào có tên tại Điều 1 được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành của Nhà nước và nhà trường.

Điều 3. Các Ông (Bà): Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Công tác HSSV; Trưởng phòng Kế hoạch- Tài chính; Trưởng các đơn vị trực thuộc và các lưu học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Sơn La (báo cáo);
- Sở Ngoại vụ tỉnh Sơn La (báo cáo);
- Sở Giáo dục và Đào tạo (báo cáo);
- Công an tỉnh Sơn La (báo cáo);
- Lãnh đạo nhà trường (chỉ đạo);
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TC-HSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Thắng

DANH SÁCH

Lưu học sinh Lào K14 đi học tập thực tế

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CDL, ngày / /2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La)

TT	Họ và tên tiếng Anh	Ngày sinh	Giới	Lớp	Hộ chiếu
1	SOMPASONG THAVISOUK	28/05/1982	Nữ	CB K14	P3120482
2	SIVILAY BOUAKHEUA	11/11/1990	Nữ	CB K14	P2972270
3	PHOUMMA BOUACHANH	05/05/1986	Nữ	CB K14	P1706694
4	INTHAVONG KHAMSAI	09/12/1994	Nam	CB K14	P3139717
5	SISAMLANH LAXUN	30/10/1996	Nam	CB K14	P3139719
6	SIPASERTH LAYU	14/10/1995	Nam	CB K14	P3139721
7	THAMMANOLA KETPADIT	07/07/1991	Nam	CB K14	P3139720
8	PANCHAVANH KHAMVANH	28/04/1990	Nam	CB K14	P3139716
9	SENGMANY YOUNG	30/10/2001	Nam	CB K14	P3139718
10	SAIYAVONG BOULIN	01/04/2002	Nam	CB K14	P2680448
11	THOR XO	03/08/1993	Nam	CB K14	S0092931
12	PUNYATHONG LHAEMTHONG	23/03/1998	Nam	CB K14	S0092945
13	LATSACKDA BOUNLOT	04/04/1994	Nam	CB K14	S0092947
14	SYPMAMOUAN NUTTAPHON	25/11/2000	Nam	CB K14	S0092946
15	PHILAVANH NONSAVARD	21/03/2001	Nam	CB K14	S0092944
16	SOULICHAY DAVONE	29/12/1979	Nữ	CB K14	P3127347
17	SONEVICHAN CHANMANY	15/06/1986	Nữ	CB K14	P3124943
18	PHEANGTHASONE SOUNIKEO	07/02/1990	Nữ	CB K14	P3124844
19	SINGPASEUTH NINPHONE	22/12/1987	Nam	CB K14	P3121768
20	VENLASER KHAMPHAN	08/09/1991	Nam	CB K14	P3124942
21	VANGCHOUOKUA KHAMSOUK	03/05/1990	Nam	CB K14	P3121968
22	THIPNIPHON BOUNCHANH	10/11/1987	Nam	CB K14	P3126799
23	SOULIVONG BOUNSOUK	02/07/1992	Nam	CB K14	P2268248
24	NGONEVILAY SONETHIPH	08/01/1989	Nam	CB K14	P3121586
25	PHOMPANYA BOUNLERD	21/11/1986	Nam	CB K14	P3121969
26	PHONEXAY KHAMTHANOM	06/02/1986	Nam	CB K14	P3124900
27	LEKKHOUN BOUNKEO	19/06/1994	Nam	CB K14	P3112001
28	SIBOUNREUANG ONECHANH	19/03/1993	Nam	CB K14	P3121771
29	SITTHAVANH KHAMMALY	31/08/1989	Nữ	CB K14	P3121964
30	KETMANY KHAMMOUN	26/03/1986	Nữ	CB K14	P3073920
31	HIENEDORCHANH KHANMANY	08/08/1989	Nam	CB K14	S0166656
32	SISOMBAT VIENGKEO	15/09/1977	Nữ	CB K14	P2046981
33	LEUNAMMACHACK PHOUNSOUK	20/07/1990	Nam	CB K14	P3114475
34	SIMOUNGKHOUN CHANTHAVONG	08/09/1986	Nam	CB K14	P3071129

35	KHAMPHATHIP LEUM	01/07/1995	Nam	CB K14	P3093322
36	PHONGSAVATH SOUKSAN	24/12/1995	Nữ	CB K14	P3064749
37	YAR SOULIVONG	06/09/1990	Nam	CB K14	P3116211
38	CHANTHACHONE MIXAY	09/08/1990	Nam	CB K14	S0159607
39	CHANTHALY PHONEXAY	14/03/1989	Nam	CB K14	P3089729
40	KITTIVONG BOUNSAVENG	16/07/1991	Nữ	CB K14	P3137010
41	KEOPANYA SITTHIPHONE	25/03/1989	Nam	CB K14	P2974564
42	PIXACHANH MEKSAVANH	15/05/2000	Nam	CB K14	P3130199
43	CHIN	28/11/1993	Nam	CB K14	P3125424
44	PHIACHANSOUPHANNAVONG INXY	13/08/1997	Nam	CB K14	P3135826
45	PHANAVANH AMPHAN	20/01/1984	Nữ	CB K14	S0092857
46	MOUANMANY SINSANAT	23/02/1984	Nam	CB K14	P3124372
47	SOUVANNA BOUNTHONE	04/03/1986	Nam	CB K14	P3136321
48	INKHAM BOUNTHAPHENG	06/06/1978	Nam	CB K14	P3136398
49	PASEUT CHANSENG	14/03/1984	Nữ	CB K14	P3134527
50	MINGBOUBPHA VONGPHACHAN	14/04/1991	Nữ	CB K14	P2037348
51	THOUNSENGCHOY SENGKEO	10/03/1986	Nam	CB K14	S0092856
52	CHAIYAVONG CHANTHIDA	09/09/1991	Nữ	CB K14	P2068559
53	KEONAMFAR PHONEDUANGXAY	15/02/1987	Nam	CB K14	P3136395
54	KAMMONPHAENG KHAMPHAENG	08/09/1993	Nam	CB K14	S0092859
55	SENGSOULIVANH SITHON	21/11/1993	Nam	CB K14	P3128674
56	SENGPATHOUMXAY SOUKAN	12/02/1993	Nam	CB K14	P3136286
57	KEOVANGLATH KHONE	01/08/2000	Nam	CB K14	S0092860
58	LENGXAYYATHAM AMPHONE	18/07/1992	Nam	CB K14	P3120372
59	VANHNASENG INPANH	22/05/1979	Nam	CB K14	P2431299
60	BOUAYAO VANDY	14/04/1978	Nam	CB K14	P2832696
61	XAIYADETH VILAYPHONE	15/08/1981	Nam	CB K14	P2456409
62	YIAXONG DUANGCHANVUE	05/08/1984	Nam	CB K14	P3107371
63	KHOUNLIVONG PHONGSAVAT	23/03/1991	Nam	CB K14	P3117989
64	SY AMPHONE PHOUVANH	05/03/1980	Nữ	CB K14	P2038242
65	XORYER LENGXIONG	03/10/1986	Nam	CB K14	P3121372
66	CHONGCHER NOUVANG	31/08/1989	Nam	CB K14	P3100230
67	VANGLAO CHOUHA	01/06/1984	Nam	CB K14	P3116684
68	XAIKHAM ONE OUDOM	15/05/1987	Nam	CB K14	P3130619
69	DOUANGSAVANH BOUATHIENG	02/04/1992	Nữ	CB K14	P3144961
70	INTAVIXAY KOUNG	02/09/1992	Nữ	CB K14	P3144959
71	SOUAYENG KAOHAYANG	28/11/1986	Nam	CB K14	P3107370
72	YANGYONGYIA VIENGXAY	20/04/1997	Nam	CB K14	P3108962
73	PHETPHOSY SOUKHAVANH	01/02/1990	Nữ	CB K14	P3119931
74	PHOTHISALATH PHONEVILAY	10/04/1983	Nam	CB K14	P3138572

75	KEOPUNYA AMPHONE	24/02/1997	Nam	CB K14	P3128214
76	HNIACHOU XOUALOR	12/04/1982	Nam	CB K14	P3126491
77	KHAMVONGSA SOMNUIK	11/06/1982	Nam	CB K14	P3128564
78	CHANTHAPHONE BOUNFEUA	27/01/1992	Nữ	CB K14	S0109858
79	CHONGVUEVANG KOUHA	18/02/1990	Nam	CB K14	P3126429
80	PHIALUANG VILAKONE	05/03/1977	Nam	CB K14	S0141985
81	INTHAVONG SONEPHET	26/01/1991	Nam	CB K14	P3136532
82	SYBOUNHUAENG SOMSANOOK	02/12/1993	Nam	CB K14	P3136550
83	DOUANGKHAMMY ANANH	20/05/1991	Nam	CB K14	P3136598
84	CHANTHAVONGSY KHAMLAR	09/08/1994	Nam	CB K14	S0092721
85	XAYDALORBEERYAO XUELOR	10/11/1994	Nam	CB K14	S0092900
86	BOUNTHAVY KHAMXAY	23/12/1995	Nam	CB K14	S0092722
87	MILAVANH BOUNTA	02/09/1994	Nam	CB K14	P3133837
88	VILAIVONGSA PHERN	01/01/1998	Nam	CB K14	P3135667
89	PHOUMMILATTANA BOUNYANG	18/08/1997	Nam	CB K14	P3103441
90	PHANHTHAMITH YOUT	09/05/1985	Nam	CB K14	P2564116
91	PHOMMEEXAY VILAISAK	04/10/1988	Nam	CB K14	P3105257
92	PHOSAVATH SOUDAKONE	20/11/1989	Nam	CB K14	P2983886
93	THONGLANIVONG PIMPHA	14/04/1988	Nữ	CB K14	P3119436
94	THONGSAMONE SANTISOUK	13/12/1991	Nam	CB K14	P2753447
95	XAYYASIT BOUNKHAM	02/04/1983	Nam	CB K14	P3128336
96	KHONESAVANH OUBON	10/12/1991	Nam	CB K14	P3112158
97	SEDTHIPHONH SERTH	08/09/1990	Nam	CB K14	P2038499
98	SIHALATH KETSANA	11/12/1980	Nam	CB K14	P2148550
99	XIONG LEE	05/06/1989	Nam	CB K14	P2707099
100	VANG THONGKHUEM	04/06/1989	Nam	CB K14	PA0344885
101	KEOPHENGKHAM KENKEO	06/10/1990	Nam	CB K14	P3104826
102	VIXAYYIABITHOR SENGCHAN	11/10/1997	Nam	CB K14	P3100067
103	SAVANH XAY	13/09/1987	Nam	CB K14	P3108546
104	MAYSONETHONG VIENGVISONE	09/03/1988	Nam	CB K14	P3108950
105	SINGLUEXAI THILAPHAT	29/03/1990	Nam	CB K14	P3108928
106	LATEXACHAK HAT	29/10/1987	Nam	CB K14	P3117860
107	XAISAVANH NGIENG	30/10/1993	Nam	CB K14	P3101891
108	KHUNTHONG BAIKEO	08/02/1989	Nam	CB K14	P3114691
109	LORVANHKHAM ANOUSONE	24/11/1984	Nam	CB K14	P3094752
110	LINPHITHAM VOOYASONE	04/01/1992	Nam	CB K14	P3108927
111	PHONEMANICHAN LIENXAI	05/05/1988	Nam	CB K14	P3126282
112	KEOTHAMMAVONG VONGPHET	07/08/1989	Nam	CB K14	P3124400
113	MAIVANH DAMPHONE	09/01/1997	Nam	CB K14	P3100993
114	DOUNGpanya NOYPASERD	17/11/1989	Nam	CB K14	P1821706

115	LAOXONGXAI HERLAO	22/03/1987	Nam	CB K14	P3117907
116	VILADED PHADSAMAI	10/05/1991	Nam	CB K14	P3142422
117	PHOUYVILAI SOUNTHONE	30/03/1993	Nam	CB K14	P3141887
118	BOUTTHONGMY SOMTAI	09/04/1988	Nam	CB K14	P2000089
119	CHANTHANILATH VIENGTHONG	08/08/1982	Nam	CB K14	P3142934
120	DOUANGPASEUTH SOMSANITH	21/09/2002	Nam	CB K14	P3089617

Danh sách này có 120 người